

KẾT CẤU HIỆN SINH TRONG TRƯỜNG CA NGŨ NGÔN CỦA NGƯỜI ĐĂNG TRÍ CỦA NGÔ KHA

Ngô Thảo Tiên¹, Phạm Ngọc Lan¹, Trương Quốc Bảo¹, Nguyễn Thị Ngọc Bích¹

TÓM TẮT

Bài viết diễn giải kết cấu trường ca Ngũ ngôn của người đăng trí của Ngô Kha dựa trên nền tảng triết học hiện sinh. Từ đó chỉ ra hai kết cấu trung tâm của tác phẩm: vòng lặp và phi logic, như là đặc trưng và điển hình cho kết cấu mang tính hiện sinh trong trường ca này. Kết cấu vòng lặp thể hiện sự tái lặp của không - thời gian, vừa hủy diệt vừa giúp chủ thể sáng tạo và dần thân. Kết cấu phi logic biểu đạt không gian đứt đoạn và phân mảnh kiến tạo kiểu kết cấu phụ thuộc vào tuyến hành trình của chủ thể. Từ đó cho thấy, Ngô Kha không chỉ là nhà thơ dần thân trên bình diện chính trị xã hội, mà còn là nhà thơ dần thân trên bình diện nghệ thuật với những thể nghiệm và cách tân độc đáo về thi pháp.

Từ khóa: Chủ nghĩa hiện sinh, Ngũ ngôn của người đăng trí, kết cấu, trường ca.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.3030-4652.87.5.2026.1010>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngũ ngôn của người đăng trí là một tác phẩm “lạ” trong văn học miền Nam giai đoạn 1954 - 1975 và cũng trường ca siêu thực hiếm hoi ở Việt Nam. *Ngũ ngôn của người đăng trí* đặc biệt nổi bật trên phương diện kết cấu, điều này được một số nhà nghiên cứu phát hiện. Hoàng Phủ Ngọc Tường cho rằng: “Ngũ ngôn của người đăng trí mang đầy đủ cấu trúc của một mê cung, trong đó đã diễn ra cuộc giác đấu đẫm máu giữa nhà thơ bức xúc vì khát vọng sống và phía bên kia, Thần Chết mang sừng bò.” [2; tr.14], hay Diêu Lan Phương trong *Trường ca Việt Nam hiện đại: diễn trình và thi pháp* đã có nhận xét sơ bộ: “kết cấu kiểu ngôi nhà gương, kiểu đa chiều kích, kiểu vòng tròn khiến thế giới như được phản quang từ vô số hướng. Đó cũng là vòng cung khiến người ta hoảng hốt, sợ hãi, đơn độc vô vọng” [3; tr.185]. Những phát hiện trên, có điểm chung là chỉ ra một số đặc trưng quan trọng của kết cấu trường ca này. Tuy nhiên, đó là những phát hiện mang tính ấn tượng, mặc dù khá chính xác, nhưng chưa nghiên cứu một cách tập trung để phân tích sâu hơn, nhằm chạm vào bản chất hiện sinh của những kết cấu ấy. Vì thế, trong nghiên cứu này, chúng tôi phân tích và diễn giải kiểu kết cấu đó dưới hai phương diện trung tâm: *kết cấu vòng lặp* và *kết cấu phi logic* tiếp cận dưới các quan niệm chính yếu của triết học hiện sinh. Hai kiểu kết cấu này không chỉ giúp không - thời gian nghệ thuật của tác phẩm được tổ chức một cách hệ thống mà còn phản chiếu về hành trình hiện sinh của chủ thể bị ném vào thế giới phi lý, một mặt muốn chạy trốn, mặt khác lại khát khao tái thiết định bản thể và hành vi, mộng tưởng và ký

¹ Khoa Ngữ văn, trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; Email: ngothaotien09@gmail.com

ức. Từ đó, nghiên cứu này góp phần khẳng định vai trò của kết cấu như một diễn trình hiện sinh và là nơi dung chứa, phát triển những năng lượng, hoạt năng nội tại của chủ thể trong hành trình sáng tạo - hủy diệt - tái sinh không ngừng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu về phương diện kết cấu nghệ thuật mang dấu ấn hiện sinh của trường ca *Ngụ ngôn của người đang trí*, chúng tôi dựa trên các phương pháp chính là:

Phương pháp phân tích - tổng hợp: Đây là phương pháp được vận dụng để phân tích và tổng hợp lý thuyết. Dựa vào phương pháp này, chúng tôi khai thác phương diện kết cấu nghệ thuật mang dấu ấn hiện sinh khoa học, logic và chặt chẽ.

Phương pháp cấu trúc - ký hiệu học: Đây là phương pháp nghiên cứu cận cảnh các phương diện tiêu biểu của vấn đề nghiên cứu. Chúng tôi vận dụng phương pháp này nhằm đi sâu vào việc tìm hiểu, khai thác nghệ thuật xây dựng kết cấu của tác phẩm.

Phương pháp so sánh: Vận dụng phương pháp này nhằm so sánh, đối chiếu về nghệ thuật xây dựng kết cấu của trường ca *Ngụ ngôn của người đang trí* với các tác phẩm khác. Từ đó chỉ ra nét riêng, nét độc đáo trên phương diện kết cấu của tác phẩm này.

Phương pháp liên ngành văn học - triết học: Đây là phương pháp nghiên cứu luận giải mối liên hệ giữa vấn đề kết cấu trường ca siêu thực trong tương quan với thuyết hiện sinh, từ đó chỉ ra những yếu tính của hiện sinh trong kết cấu. Đồng thời, từ kết cấu đặc biệt này, chúng tôi kiến giải các phạm trù của triết học hiện sinh dựa trên quan niệm mà chủ thể sáng tạo kí gữ trong văn bản.

Phương pháp thi pháp học: Phương pháp này được sử dụng nhằm tiếp cận tác phẩm như một chỉnh thể nghệ thuật hoàn chỉnh của những yếu tố hình thức, trong đó kết cấu là một yếu tố hình thức quan trọng giúp bộc lộ ý nghĩa hiện sinh của tác phẩm.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Sơ lược về chủ nghĩa hiện sinh và đặc điểm của kết cấu mang dấu ấn hiện sinh

Triết học hiện sinh là triết học về chủ thể. Nó quan tâm đến vấn đề tồn tại của mỗi chủ thể trong thế giới như một “tồn-tại-trong-thế-giới”: “tồn-tại-trong-thế-giới, một cách khái quát, là trạng thái cơ bản của Dasein” [7; tr.78]. Chủ thể của triết học hiện sinh là chủ thể “cảm nghiệm thế giới [...] với tất cả những khả năng và giới hạn.” [10; tr. 252]. Điều này có phần khác với triết học phương Tây thời kỳ Khai sáng với những tên tuổi như René Descartes, Immanuel Kant; khi nó xem trọng chủ thể trên phương diện lý tính và tư duy. Con người trong thế giới là một tồn tại “bị ném vào”: một “tính chất thực tại của việc hiện hữu bị phó mặc” [7; tr.174]. Họ không chọn để xuất hiện trong thế giới, họ không lựa chọn hoàn cảnh tiền đề của bản thân. Tính phi lý của tồn tại là một luận điểm quan trọng của triết học hiện sinh nói chung. Theo Albert Camus, phi lý là sự bất tương hợp “giữa nhu cầu con người và sự im lặng vô lý của thế giới [...] phi lý không ở trong con người (nếu ẩn dụ như thể có ý nghĩa), cũng không sẵn ở ngoại giới, mà trong sự hiện diện cùng nhau của con người

và ngoại giới” [1; tr.27-29]. Phi lý không nên được hiểu là sự sai lệch về mặt logic, mà là sự bất tương hợp giữa con người và thế giới, sự lệch pha giữa một thế giới vốn như nó đã là, một thế giới không tuân theo cái lý của con người và một con người liên tục tìm kiếm ý nghĩa trong thế giới.

Hành trình chống lại tính phi lý của thế giới, theo Albert Camus, là một hành trình miên viễn. Con người không thể nào từ bỏ khát khao tìm kiếm ý nghĩa của mình. Điều này làm triết học về phi lý của Albert Camus khác hẳn các triết gia hiện sinh hữu thần trước đó như Karl Jaspers, Martin Buber. Các triết gia hữu thần, tuy có cùng cái nhìn về sự phi lý tiên thiên giữa con người và thế giới, song họ hoặc là đặt niềm tin vào một tồn tại siêu việt, hoặc họ chìm trong thái độ hư vô phủ định tất cả ý nghĩa của đời sống - một sự “tự sát triết học” (cách dùng từ của Albert Camus) khi từ bỏ khát khao tìm kiếm ý nghĩa trong thế giới. Thái độ đúng đắn của con người như một tồn tại phi lý trong một thế giới phi lý là liên tục tìm kiếm và xác định một ý nghĩa hữu hạn của đời sống và liên tục bị thế giới phủ định: “phi lý nằm trong cách thức nó đi ngược lại với những hy vọng cơ bản của chúng ta, nếu cảm thấy rằng để tiếp tục duy trì, sự phi lý phải không được chấp thuận [...]. Con người phi lý không làm như trên. Anh ta thừa nhận cuộc đấu tranh, không hoàn toàn bác bỏ lý trí, và thừa nhận những gì không thể lý giải.” [1; tr.32-33], Con người phi lý là con người không bao giờ dừng tìm kiếm và kiến lập ý nghĩa của đời sống thông qua trải nghiệm, dù anh ta liên tục thất bại. Hành trình của con người phi lý, do đó, là hành trình lặp lại không có hồi kết.

Theo *Từ điển thuật ngữ văn học* của Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng Chủ biên) thuật ngữ “kết cấu” là hệ thống tổ chức phức tạp của tác phẩm, đồng thời có những quy định nhất quán trong sáng tác nghệ thuật: “Kết cấu là toàn bộ tổ chức phức tạp và sinh động của tác phẩm. [...] Tổ chức tác phẩm không chỉ giới hạn ở sự tiếp nối bề mặt, ở những tương quan bên ngoài giữa các bộ phận, chương đoạn mà còn bao hàm sự liên kết bên trong, nghệ thuật kiến trúc nội dung cụ thể của tác phẩm” [6; tr.131]. Là cấu trúc tổ chức để tạo dựng nên thế giới hình tượng mang ý nghĩa thẩm mỹ, kết cấu bao chứa hình thức biểu đạt và nội dung tư tưởng được thể nghiệm. Tóm lại, kết cấu là phương diện cơ bản của sáng tác nghệ thuật, đó chính là cách thức tổ chức và phương tiện biểu đạt ý nghĩa nghệ thuật của tác phẩm. Những dấu ấn của triết học hiện sinh có thể biểu hiện ở phương diện tổ chức nên tác phẩm văn học, chính là phương diện kết cấu. Những tư tưởng và triết thuyết của triết học này đã để lại cho văn học những kiểu kết cấu khá đặc trưng: ví dụ như kết cấu dòng tâm tư, kết cấu phi lý (mảnh vỡ), kết cấu phi tuyến tính,... Đây đều là những kết cấu tổ chức tác phẩm phá vỡ trật tự không - thời gian tuyến tính và logic của những kết cấu truyền thống. Nó khắc họa một chủ thể không đứng yên mà liên tục kiến tạo mình trong vô số dự phóng và hoài niệm, trong vô vàn tương lai chưa hoàn tất và thời gian đã mất. Nó khắc họa một thế giới trong mắt chủ thể đầy phi lý - một thế giới với những sự kiện nằm ngoài khả năng lý giải của chủ thể, một thế giới với những niềm tin và tín điều của chủ thể không ngừng bị phá vỡ.

Khi định vị thể loại trường ca, Nguyễn Thành Thi cho rằng một yếu tố quan trọng phân biệt trường ca với các thể loại trữ tình trường thiên khác chính là yếu tố kết cấu. Nếu kết cấu của trường ca là “kết cấu đa tuyến, đa tầng, đa chương khúc; sử dụng đa chất liệu,

có thể dùng dòng độc thoại, tổ khúc, liên khúc như một thủ pháp” [9; tr.11] trong sự phân biệt với kết cấu của thơ trữ tình trường thiên “kết cấu đơn tuyến (trữ tình theo dòng độc thoại, tổ khúc hoặc liên khúc); thường kết nối các đơn vị tác phẩm theo dạng chuỗi (tuyến tính)” [9; tr.11]. Kết cấu của trường ca thường có tính phức điệu, đa tuyến, đa tầng. Cảm hứng chủ đạo của trường ca là cảm hứng bi tráng, hào hùng của một “cái tôi đại diện” gắn với những tình cảm, khát vọng lớn lao, với âm vang và dư chấn tinh thần sâu sắc của cộng đồng (dân tộc, thế hệ) mà cá nhân thay mặt phát ngôn” [9; tr.10]. Một trường ca mang dấu ấn hiện sinh tuy vẫn mang giọng điệu của một “cái tôi đại diện” cho cộng đồng, nhưng đây là cộng đồng với những con người cá nhân mang nỗi đau phổ quát. Nó khắc khoải một ám ảnh phi lý về chính cộng đồng và dân tộc mình thuộc về. “Cái tôi đại diện” hay “cái tôi anh hùng” của trường ca mang dấu ấn hiện sinh là cái tôi vượt qua những giới hạn của cá nhân để sống cùng với nỗi đau của dân tộc, là cá nhân chịu trách nhiệm trước dân tộc và thời đại như một con người hiện sinh. Cái bi tráng, hào hùng của một trường ca hiện sinh là cái bi tráng, hào hùng của một anh hùng hiện sinh, khi anh ta vượt qua những giới hạn hiện sinh của cá nhân để đứng về cộng đồng lớn hơn mà anh thuộc về.

Trong bài nghiên cứu này, chúng tôi đi sâu khai thác kết cấu mang dấu ấn hiện sinh trong trường ca qua hai dạng kết cấu cụ thể: kết cấu vòng lặp và kết cấu phi logic. Thứ nhất, kết cấu vòng lặp là chuỗi hành trình lưu đầy khép kín, phản ánh tình trạng phi lý hiện sinh của con người bị ném vào thế giới mà không có lý do. Thứ hai, kết cấu phi logic là hệ thống trường đoạn đứt gãy liên tục, xáo trộn trình tự thời gian, tạo nên một không - thời gian ngột ngạt, nơi chủ thể vật lộn giữa những mảnh vỡ ký ức. Hai dạng kết cấu nghệ thuật này hợp thành một kết cấu hiện sinh độc đáo. Phương diện biểu hiện những giao cắt giữa các trật tự - dấu hiệu trong hình thức và thể nghiệm hành trình luôn tiếp diễn giữa hủy diệt và sáng tạo, giữa lưu đầy và tự do.

3.2. Kết cấu mang dấu ấn hiện sinh trong *Ngụ ngôn của người đăng trí* của Ngô Kha

Đọc trường ca *Ngụ ngôn của người đăng trí*, ta nhận thấy dấu ấn hiện sinh trong trường ca biểu hiện rõ nhất trên phương diện kết cấu: từ kết cấu vòng tròn – vòng lặp khép kín, lưu đầy đến kết cấu phi logic, bất tương hợp trong không – thời gian hiện sinh. Xoay quanh trọng tâm của tác phẩm, chủ thể hiện sinh chìm trong suy tưởng, lưu đầy trong chốn phi lý cùng với những dự phóng cần được thể nghiệm, phóng chiếu. Vì vậy, sự sắp xếp, phân bố tổ chức của các thành phần hình thức nghệ thuật mang những tính chất đối lập với hệ tuyến tính logic của dạng kết cấu truyền thống. Kết cấu mang dấu ấn hiện sinh trong trường ca này mang cấu trúc không – thời gian khép kín mà hỗn độn, hệ thống các trường đoạn đứt gãy, nhập nhằng mà ngột ngạt, đặc quánh những phức cảm của con người hiện sinh: nỗi hoài nghi về hiện thực huyền bí, nỗi cô đơn bị lưu đầy, nỗi tuyệt vọng đến mê dại, những chấn thương khi cố chạy trốn khỏi thế giới phi lý,... Để biểu đạt triết lý hiện sinh trong *Ngụ ngôn của người đăng trí*, Ngô Kha đã sáng tạo nên kiểu kết cấu khác biệt, đồng thời liên kết chặt chẽ với nội hàm tư tưởng sáng tác trong tác phẩm.

3.2.1. Kết cấu vòng lặp

3.2.1.1. Không gian và thời gian khép kín

Xét theo tính chất, không gian - thời gian trong *Ngụ ngôn của người dâng trí* có thể chia ra thành không gian vũ trụ - không gian thể tục và tương tự, thời gian vũ trụ - thời gian thể tục. Nếu không gian vũ trụ biểu hiện trong những hình ảnh thiên nhiên như dòng sông, thung lũng, khu rừng, khu vườn,... thì không gian thể tục biểu hiện trong những hình ảnh của thành phố, ngõ nhà em, bức tường, giáo đường,... Tương tự, thời gian vũ trụ là thời gian “vô thời gian”, thời gian tuần hoàn, trong khi đó, thời gian thể tục thì tuyến tính, hữu hạn với tuổi trẻ chóng phai, tuổi già sẽ đến. Tuy nhiên, không – thời gian trong tác phẩm không tách biệt giữa thực và mộng, giữa thể tục và vũ trụ, giữa cá nhân và toàn thể mà bện chặt, xoắn quện vào nhau. Không thể phân biệt đâu là thể tục, đâu là vũ trụ trong trường ca này. Thực chất, không gian thể tục trong tác phẩm bản thân nó cũng mang tính chất vũ trụ: tức cũng phi cụ thể, trừu tượng, siêu hình, giống một tiểu vũ trụ trong đại vũ trụ hơn là thể tục trong tương quan rạch ròi với vũ trụ. Thời gian cũng thế, không thể rạch ròi thời gian vũ trụ hay thời gian thể tục, đâu là quá khứ, hiện tại, tương lai. Cảm quan đó về thế giới được thể hiện qua sự lặp lại các yếu tố đã có trong đoạn trước.

Nhìn tổng quát về trường đoạn I, II, ta thấy tác phẩm đã mô tả cuộc phiêu lưu thất bại của chủ thể trữ tình trong thế giới chiêm mộng, báo trước một định mệnh lưu đày trong cõi thế; trường đoạn III, IV mô tả sự lạc lõng của chủ thể trong cõi thế trơ lỳ và chết chóc; trường đoạn V mô tả một khả năng chủ thể cứu rỗi bản thân bằng tình yêu; trường đoạn VI mô tả sự hủy diệt của tất cả và cả khả năng cứu rỗi của tình yêu trong mắt chủ thể; trường đoạn VII mô tả thế giới trong nỗ lực cứu rỗi của “kẻ hành khát” bằng trí tuệ và “người con gái” bằng tình yêu song thất bại. Còn trường đoạn VIII mô tả chủ thể sau tất cả những suy nghiệm trên, trong cái tang thương của thời đại và dân tộc phải đưa ra lựa chọn của mình. Nhìn chung, mỗi trường đoạn mô tả một giai đoạn khác nhau trong nhận thức và suy nghĩ của chủ thể. Thậm chí, đến trường đoạn VII còn là nhìn chủ yếu qua nhân vật “người con gái”. Tuy nhiên, vẫn có những yếu tố gắn kết tất cả hành trình này lại với nhau, tạo ra cảm giác về sự miên viễn: đó chính là những yếu tố trùng lặp. Từ đó cho thấy việc tổ chức kết cấu vòng lặp giữa các trường đoạn phân mảnh đã tạo nên một hành trình không tiến triển theo chiều hướng giải quyết - kết thúc của chủ thể hiện sinh mà liên tục quay về điểm xuất phát phiêu lưu. Những trải nghiệm từ phiêu lưu, lạc lõng đến hy vọng, hủy diệt và tìm kiếm cứu rỗi, thực chất không mở ra một lối thoát, mà được liên tục tái diễn như vòng tròn khép kín, không có điểm kết thúc tuyệt đối.

Những chi tiết lặp lại được hiện hình qua sự tái xuất của các hình ảnh, ngôn từ tương quan với những tầng ý nghĩa. Không thể liệt kê hết những chi tiết lặp lại này. Trường đoạn II nhắc lại những dòng chữ “ngụ ngôn” mà “tôi và người say rượu” [8; tr.6] từng cùng nhau hát của trường đoạn I không đơn thuần là sự gợi nhắc lại ký ức: “tôi hay nói chuyện về những dòng chữ ngụ ngôn” [8; tr.12]. Từ chỗ là hững “dòng chữ ngụ ngôn” cùng “tôi và người say rượu” cùng hát, chia sẻ đồng cảm trong một thế giới không còn khả năng giao tiếp thấu hiểu đến “tôi hay nói chuyện về những dòng chữ ngụ ngôn” thì ý nghĩa đã dịch chuyển. Ngụ ngôn trở thành độc thoại, một nỗi ám ảnh về cô độc. Sự lặp lại này đã cho thấy một chuyển động

về hành trình hiện sinh của chủ thể: từ cộng đồng đến cô đơn, từ giao cảm đến phân rã. Tương tự, trường đoạn VII nói về “những hàng cột” bao phủ “người đàn ông xăm mình” [8; tr.9] : “cột đèn đường nhìn nhau” [8; tr.35]. Nếu “những hàng cột” bao phủ “người đàn ông xăm mình” gợi cảm giác bị giam hãm, áp chế bởi cấu trúc vô hình của thế giới thì “cột đèn đường nhìn nhau” lại tạo nên một không gian phi nhân tính, các vật thể mang ánh nhìn và con người bị đẩy ra ngoài trung tâm tri giác. Chính sự lặp lại này làm nổi bật quá trình chuyển dịch của thế giới hiện sinh: không gian dần trở nên xa lạ, lạnh lẽo; con người mất dần vị thế chủ thể trung tâm. Đặc biệt hình ảnh “dòng sông” là một trục lặp lại xuyên suốt trong các trường đoạn. Ở trường đoạn I, “dòng sông lãng mạn” còn mang sự âm của một thế giới của cái đẹp và sự sống vẫn hiện hữu. Sang trường đoạn VI, “dòng sông” đã trở thành một chứng nhân của nỗi ưu phiền, “và ta trông thấy một dòng sông/ một dòng sông/ với những đôi mắt ưu phiền của bè bạn” [8; tr.34]. Đến trường đoạn VII và VIII, hình ảnh dòng sông lại trở thành chứng nhân của cái chết và lịch sử: “bây giờ đoàn tử tù trở lại/ mang theo lời truyền của khúc sông” [8; tr.42] và “ôi đất mẹ điêu linh/ những con sông chảy qua cánh đồng mang thây người” [8; tr.46]. Qua mỗi cấu trúc lặp lại giữa các trường đoạn, “dòng sông” không cố định ý nghĩa mà tích tụ và chuyển hóa từ sự hiện diện của cảm xúc lãng mạn đến sự man rã của ưu phiền, bị thương và cuối cùng đi đến sự hủy diệt của cái chết. Chính sự lặp lại có biến đổi này đã tạo thành một dạng kết cấu đặc biệt, lặp lại theo đường xoắn ốc, trong đó mỗi lần lặp lại là một lần đi sâu hơn vào khủng hoảng tồn tại của chủ thể.

Những chi tiết lặp lại biến thế giới từ một thế giới ngoại tại khách quan thành một thế giới nội tại chủ quan, mang đầy ám ảnh của chủ thể về cái chết, về chiến tranh và về sự chạy trốn. Và như thế, nó trở thành một thứ không gian đậm chất hiện sinh - một không gian mang đậm chủ thể tính, một không gian liên tục bị bóp méo bởi những ám ảnh của chủ thể. “Khu rừng mộng mị” [8; tr.7] trong trường đoạn I như là biểu tượng cho sự huyền bí bất khả tri của chính cuộc sống bỗng xuất hiện trong trường đoạn III, khi chủ thể tìm đường trở về “ngõ nhà em không thấp sao hôm/ cơn say của tôi lạc đường không trở lại/ tôi không dám về/ ngại tiếng giày đinh” [8; tr.18-19] - cõi thế tục lưu đầy của mình. Nó xuất hiện báo hiệu một sự hủy diệt cho chính cõi thế tục lưu đầy. Cõi thế tục bấy giờ đã là cõi chủ thể không thể về, cõi giới đầy dấu vết của giày đinh chiến tranh. Chủ thể chỉ đành sáng tạo một cõi giới khác, cõi giới mộng mị huyền ảo cho chuyến phiêu du tiếp theo, một chuyến phiêu du chạy trốn nhưng cũng là dần thân tìm kiếm sự thật “tôi đi qua khu rừng không dấu tích/ ba vành khăn tang lơ lửng ngó cành cây/ [...] với con voi ngà thời thượng cổ” [8; tr.21]. Sự bóp méo của không gian báo hiệu cho sự chuyển biến trong cuộc hành trình: chủ thể lại tiếp tục lạc vào chiêm mộng huyền thoại nhằm suy tư để tìm câu trả lời cho thực tại. Thế giới huyền ảo không phải do chính nó, mà do chính cái khoảnh khắc lóe sáng giữa con người và thế giới như một thể đồng hiện hữu, và con người là một *hiện-hữu-trong-thế-giới* (in-der-Welt-sein). Đường như đó mới chính là cái mật ngữ của không gian huyền thoại: không gian vũ trụ không phải không gian của Đấng Bậc tạo nên mà là không gian do chính dự phóng và sáng tạo của con người. Con người - kẻ mất chúa - chính là kẻ sáng tạo ra một thế giới hiện hữu cho mình - thế giới để chạy trốn khỏi một thực tại phi lý và hủy diệt.

Sự lặp lại của các yếu tố không gian khiến cho không gian có yếu tố thời gian. Và đó là thời gian gắn liền với thời gian hiện diện và cảm nghiệm của chủ thể – thời gian mang dấu ấn hiện sinh sâu sắc. Thời gian nguyên thủy chính là thời gian của cõi mộng nơi thế giới siêu nhiên có sự tham gia trực tiếp của chủ thể trữ tình. “Công viên dã tràng” [8; tr.7] đã xuất hiện trong trường đoạn I như một không gian vận hành tất cả sự vô nghĩa lý lại tái xuất hiện trong trường đoạn VII với cùng ý nghĩa “bây giờ ngoài công viên/ người cảnh binh đứng yên trong dáng điệu cuối cùng” [8; tr.35]. Nếu trường đoạn I “công viên” nằm trong không gian thần thoại thì ở trường đoạn VII nó đã ở không gian thế tục của thành phố với một bối cảnh chiến tranh cụ thể. Hay đóa hoa quỳ lúc thì “héo rũ khóc một ngày bất đắc kỳ tử” [8; tr.19], lúc thì “hoa quỳ đang độc thoại” [8; tr.31] ở “dưới vầng trăng”. “Dòng sông” từ trường đoạn I về thời kỳ nguyên thủy địa đàng đã báo hiệu cho sự héo úa “bó hoa tôi mang đến dòng sông bây giờ đã héo” [8; tr.5]. Đến thế giới thế tục, “dòng sông” tiếp tục là chứng nhân cho những cái chết “cho nỗi ưu phiền, cho cái chết “ôi đất mẹ điều linh/ những con sông chảy qua cánh đồng mang thân người” [8; tr.46]. Cả quá khứ, hiện tại lẫn tương lai của không gian đều hướng đến hủy diệt. Đó là sự hủy diệt của thế giới nguyên thủy và thế giới của mộng tưởng. Đó là sự hủy diệt gắn liền với từng yếu tố không gian theo dòng thời gian. Chính tính chất lặp lại đó của không gian làm tác phẩm có kết cấu vòng lặp. Đó là sự lặp lại của nỗ lực cứu rỗi chính mình khỏi sự phi lý, hay nói cách khác là cứu rỗi ý nghĩa của hiện sinh. Và sự lặp lại này diễn ra vô tận vì đó là thực tại “không bao giờ chết” [8; tr.45] hay “ngục tù vĩnh cửu” [8; tr.58] Thoạt nhìn, đó dường như là một định mệnh không lối thoát đối với chính chủ thể, trước sự trói buộc của thế giới phi lý. Tuy nhiên, dưới góc nhìn của chủ nghĩa hiện sinh, “định mệnh” bị kịch của con người lại tiềm giấu trong nó niềm hy vọng vô hạn: hy vọng vào khả năng dự phóng và sáng tạo vô tận của con người. Hủy diệt vô tận đồng nghĩa với sáng tạo vô tận. Con người không bao giờ có thể ngừng dần thân, và cũng không bao giờ cạn khả năng dần thân vào cuộc sống.

3.2.1.2. Hành trình chủ thể hiện sinh không lối thoát

Hành trình chủ thể hiện sinh cũng là một hành trình lặp lại. Đó là hành trình chủ thể liên tục chạy thoát để đi tìm sự cứu rỗi nhưng rồi phát hiện ra “thị sĩ nằm yên trong ngục tù vĩnh cửu” [8; tr.58]. Mỗi thế giới trong mỗi trường đoạn đều là một thế giới phi lý và một hành trình chống lại hoặc chạy thoát khỏi thế giới phi lý đó. Đó là nỗ lực “tôi vụt chạy bỏ linh hồn tôi ở đó” [8; tr.10] ở trường đoạn I, đó là nỗ lực phiêu du bằng “cây đàn thủy tinh” [8; tr.13] nhưng bị bỏ rơi phũ phàng, đó là hành trình thoát khỏi “ngõ nhà em không thấp sao hôm” [8; tr.18] bằng “con say” để phiêu du đến miền mộng với “con voi ngà thời thượng cổ” [8; tr.21] nhưng vẫn không thoát khỏi dấu ấn chiến tranh. Đó là nỗ lực tìm đến tình yêu nhưng nhận lấy chỉ là “máu đen chảy trên vùng cô độc” [8; tr.34]. Đó là hành trình chủ thể bị “bỏ rơi” bởi những đáng cứu thế như “người hành khát”, như “người con gái” trong khi tiếp tục chứng kiến viễn tượng bao đồng loại đi vào núi đá của hủy diệt. Và cuối cùng, anh ta bị bỏ lại trong “ngục tù vĩnh cửu” [8; tr.58] của cuộc sống phi lý vĩnh viễn, bị bỏ lại với những lựa chọn. Nỗ lực chạy thoát thất bại trong tất cả thế giới, trở thành một định mệnh

mang tính thân phận, *hoàn cảnh* của chủ thể hiện sinh. Chủ thể không có bản chất phổ quát, nhưng lại phổ quát ở một hoàn cảnh, một giới hạn tiên nghiệm. Không ai có thể thoát khỏi cái hoàn cảnh này, trừ khi họ đối mặt với nó, dự phóng và hành động để phủ định nó, vượt qua nó hay hòa giải với nó.

Tóm lại, kết cấu trùng lặp đến từ sự đồng hiện giữa các chi tiết trong những không gian khác nhau, tạo nên cảm thức thời gian tuần hoàn, không kết thúc, hướng tử. Nó tạo nên một cảm thức về thế giới đầy phi lý, một thế giới liên tục nỗ lực “tạo ra những khả thể ngôn ngữ để biểu đạt một thực tại phi lý đã nằm ngoài diễn đạt, diễn giải” [10; tr.255]. Chính điều đó làm không - thời gian khép kín, không thể trốn thoát. Hành trình của chủ thể hiện sinh là hành trình trốn chạy và mắc kẹt vĩnh hằng trong những suy nghiệm khủng khiếp của mình, cũng là mắc kẹt vĩnh hằng với thế giới phi lý mà anh ta bị ném vào. Anh ta không có cách nào khác hơn ngoài đối mặt và đưa ra lựa chọn, không có cách nào khác hơn ngoài dẫn thân vào chính cuộc sống.

3.2.2. Kết cấu phi logic

Ngữ ngôn của người đăng trí được tạo lập từ kết cấu không - thời gian đa tầng phức cảm. Không gian và thời gian trong trường ca đã phủ định những quy ước chung của kết cấu truyền thống. Ý niệm tư tưởng hiện sinh cũng là một phạm trù sâu nổi trong nghệ thuật xây dựng kết cấu tác phẩm. Các chủ thể hiện hữu và dẫn thân trong từng không - thời gian riêng biệt. Từ không gian nguyên nguyên của thời tiền sử, “ngày ra đời”, đến không gian vô tận, hoang hóa của “sa mạc”, “cánh đồng”,... và sự chảy trôi mơ hồ của dòng thời gian, đời sống hiện sinh của chủ thể tính được trình hiện thành một chỉnh thể thống nhất.

Kết cấu của trường ca được tạo lập từ những miền không gian đứt đoạn, rời rạc, phân mảnh và bất định. Khởi đầu cho hành trình hiện sinh, các chủ thể nhận được báo hiệu từ miền vô tận - “những tin mừng trên bãi cát” [8; tr.6], đó chính là không gian nguyên nguyên, ban sơ của “thời tiền sử” chất chứa “lời ca thần thoại”. Chủ thể hiện sinh trong trường ca này chính là bản thể tự do từ thời tiền ý thức, tồn tại trong không gian mang tính thiêng. Trong “khu vườn tiền sử”, “công viên dã tràng”, cuộc “tuần tiết” của vạn vật khởi đầu thì đó cũng xác lập “gọi tên ngày ra đời” [8; tr.7], họ đi khỏi “vùng ảnh hưởng của dòng sông” [8; tr.8]. Các chủ thể bứt ra khỏi trạng thái ban đầu mà nhập cuộc vào đời sống khác, một hiện thực ở tầng sâu và thực hiện sinh tạo nổi kết với kẻ khác, bản dạng khác của mình.

Sự phân mảnh trong kết cấu không gian nhằm tạo nên sự tròn đầy cho cuộc hiện sinh. Các chủ thể nhập cuộc vào không gian “chiến tranh” - nơi cái chết, đau thương và trống rỗng hiện diện. “Ra lệnh chiến tranh” [8; tr.9] như một lời tuyên bố nhập thế vào sự dẫn thân của chủ thể. Kết cấu không gian giờ đây có sự chuyển hóa, những miền không gian là điểm nút giao thoa giữa tính thần thoại với tính thế tục, giữa hiện thực ban sơ với hiện thực phức tạp, đa chiều kích. Và từ không gian chết chóc, chiến tranh, các chủ thể tính thực hiện hành trình hiệp thông của mình với tha nhân khi “tôi lạc vào miền vô vi” [8; tr.10]. Trong không gian hư hao, vô tận và hoang hóa, con người hiện sinh dự phóng tầng sâu đời sống của mình là miền sáng tạo, nhằm hướng đến *siêu việt*. Sự sáng tạo hiện sinh được chủ thể tính thực hiện

trong không gian tâm tưởng - chiêm bao, mộng huyền: “tôi đem đến thời gian để lấy chiêm bao/ hằng đêm thấp nền đi vào giấc ngủ/ trang sách mở trên gối/ tôi thấy/ những cánh đồng bình thản vô cùng/ những chiếc chân mọc dài của cao nguyên” [8; tr.11]. Đây là không gian đa chiều kích, được tái lập thông qua sự vận động trong ý nghĩ, ý chí hiện sinh của các chủ thể. Sự sáng tạo hiện sinh từ miền chiêm bao, hư ảo nhằm minh định căn tính của chủ thể ở hiện thực khác, sáng tạo nghệ thuật cũng chính là sự sáng tạo bản sắc vừa mang tính chất cá nhân vừa mang tính chất của người hùng, anh hùng trong cuộc chiến đấu cùng nguy tín, phi lý ở miền “sa mạc” để xác lập sự hiện hữu chính mình: “em nhớ mỗi ngày lên giường/ sự sống đã bắt đầu từ đó” [8; tr.24].

Không gian tiếp biến liên hoàn, từ phân mảnh đến phi lý. Sáng tạo hiện sinh dẫn lối các chủ thể vào không gian hoang hóa, tận diệt “của hư vô của miền tuyệt vọng cháy sáng/ nhạc hoang đường trôi vào miền vô thức/ giữa không gian u tịch với từng bước linh hồn/ đàn chim lưu đầy mang cánh hoa lys bay lên” [8; tr.24]. Không gian rộng khắp - “thơ hành trình đi qua miền địa ngục” [8; tr.25] là nơi “tôi” thấu suốt sự trống trải, ưu phiền và đối mặt trực diện với “cái chết”. “Tôi” tiến sâu đến trung tâm của không gian “cái chết” như đặt mình vào trọng tâm cho những dự phóng về sự phi lý, sự hoàn thành dở dang hành trình hiện sinh. Trở lại gián đoạn sau hành trình đối diện với “cái chết”, “tôi” tiếp tục khép mình, sa ngã vào không gian tâm tưởng của miền chiêm bao: “bây giờ đá cũng chiêm bao/ đêm ngủ vui” [8; tr.31]. Sự quay về rời rạc với miền không gian chiêm bao cũ như là sự gián cách tạo nên độ lùi suy tư cho con người hiện sinh. Như một sự chuẩn bị vươn lên, chủ thể hiện sinh hoài niệm về miền ký ức chiến đấu với đau thương, chết chóc và chính mình. Từ đó, con người hiện sinh được tái sinh tự do ở miền vũ trụ khác cùng những đón đợi dung chứa nhiều bất ngờ hơn, chân thực hơn và ưu tư, đau đớn hơn.

Đến những trường đoạn cuối của trường ca, con người hiện sinh bước ra từ cuộc chiến nhưng lại tiếp biến trong hiện thực khác sau cuộc chiến với những dị thể - “kẻ hành khất hát bài ca ăn xin/ [...] người hành khất đeo kính dâng trí/ với hát như một con diều dâu/ đó là giờ vĩnh biệt” [8; tr.36-42] trong trường đoạn VII, “đoàn tử tù bất động như rừng cây/ [...] đoàn tử tù cất nhịp hát hò lơ/ đoàn tử tù đi vào trong núi đá...” [8; tr.37-44] trong trường đoạn VII. Chủ thể “tôi” sống trong miền không gian này lại rơi vào kiếp lưu đầy, tái sinh trong vòng lặp của nỗi cô đơn bản thể - “tự sát bằng cô đơn nên chẳng bao giờ chết” [8; tr.45]. Dấu “tôi” là chủ thể tự do trong hành trình hiện sinh này nhưng trong không gian lưu đầy “tôi chỉ còn hồn tôi trong gió lốc cuồng si/ với vãn thơ hoang đường cu rơ mang nhục thể/ như khúc hát độc huyền của kẻ câm” [8; tr.56]. Chủ thể đã tồn tại trong sự bủa vây của đau đớn, hy sinh, mất mát và bằng trí tưởng tượng phóng chiếu “linh hồn tôi/ cũng ra đi/ trong cõi trừu tượng” [8; tr.56]. Và hành trình hiện sinh trong trường ca đóng khép đời sống phía trước và mở ra trong kiếp lưu đầy vĩnh viễn “mẹ không rời ngưỡng cửa/ và nay/ gió cũng tang bồng/ nhưng thi sĩ vẫn nằm yên trong nhà tù vĩnh cửu” [8; tr.58]. Kiếp lưu đầy không phải điểm kết thúc, hoàn tất của hành trình hiện sinh, trong tâm thức và ý niệm của mỗi người, hành trình đó sẽ tiếp biến ở những chiều kích không gian khác. Cả kết cấu không gian hiện sinh trong trường ca *Ngụ ngôn của người dâng trí* đã tạo lập nên các “chân trời

mới” cho các chủ thể dự phóng ý chí hiện sinh của mình. Mọi không gian hiện sinh như mảnh vỡ, phân mảnh thành các dạng không gian tính thiêng, không gian thể tục, không gian hẹp đến không gian rộng mở, bất định, cụ thể hóa như không gian phi lý “sa mạc” trong trường đoạn II, không gian chết chóc “chiến tranh” chủ yếu trong các trường I, II, III, không gian tâm tưởng “chiêm bao” trong các trường II, IV,... Việc tạo lập bức tranh ghép mảnh và những chiều kích không gian khác nhau, dường như chính là kể lại câu chuyện hiện sinh của “tôi”, “người đăng trí”, “người say rượu”, “người con gái”,... Đó là chiều kích không gian dung chứa sự hiện hữu của những chủ thể tự do đang bức thiết tìm kiếm dạng thức tồn tại, chiến đấu đến tận diệt vì ý nghĩa hiện hữu.

Các miền không gian hiện sinh nói trên cũng mang chiều kích của thời gian. Trong trường ca *Ngụ ngôn của người đăng trí*, kết cấu thời gian đã phủ định kết cấu thời gian truyền thống. Trình tự thời gian trong bài ngụ ngôn mang tính chất phi tuyến tính, không đơn thuần một chiều theo dạng quá khứ - hiện tại - tương lai, đó là thời gian bất tất. Kết cấu này đã tạo lập nên vòng xoắn ốc trong chuỗi lặp của cuộc hiện sinh, tất thấy hiện hữu một cách ngẫu nhiên và phi lý. Không - thời gian trong *Ngụ ngôn của người đăng trí* đậm đặc tính phi lý, nhưng sự phi lý, bất tương hợp đó cũng chính là một điều cốt tử trong đời sống hiện sinh. Vì chủ thể tồn tại và phiêu du trong không gian - thời gian phi lý để bảo tồn trọn vẹn thế giới hữu lý của riêng mình. Trong hành trình này, chủ thể “tôi” bị bủa vây trong chiều kích không - thời gian phi lý khép kín. Diễn trình phi lý của chủ thể tựa như hành trình của nhân vật Joseph K. trong *Vụ án* (Franz Kafka) luôn đối mặt với mê cung phi lý - không gian, thời gian huyền thoại, phiếm chỉ nhưng anh chẳng từ bỏ hành trình để chứng thực sự phi lý của vụ án và xác lập sự duy lý của chính anh. Đối mặt trước những lần ranh của pháp lý, K. chẳng cảm giác được bản thân đang đứng trong không gian tù túng, chật chội “nặng hun nóng râm mái nhà, làm không khí ngột ngạt và nặng nề” [4; tr.86]. Và hành trình của “người đăng trí” bắt đầu từ cõi thiêng của “thời tiền sử”, “công viên dã tràng” trong trường đoạn I đến cõi chết chóc, vô định, lưu đầy chính là sự xác lập thời gian Túc nghĩa hành trình hiện sinh là cuộc lữ hành miên viễn xuyên qua không - thời gian khác nhau. Khởi đầu từ hiện tại “bây giờ tôi mang hoa đến dòng sông” [8; tr.1], chủ thể ngược dòng quay về khoảng thời quá khứ “gọi tên ngày ra đời”, từ “trong khu vườn tiền sử”, “bước vào công viên dã tràng” trong trường đoạn I,... vượt thoát đến tương lai - “cả hai đi khỏi vùng ảnh hưởng của dòng sông” [8; tr.8], chủ thể hiện sinh tiếp tục hành trình qua thời gian mộng mị, ảo vọng và hư hao của thời gian tâm tưởng - “tôi đem đến thời gian để lấy chiêm bao” [8; tr.11]. Chủ thể có gợi nhắc đến dòng thời gian chuyển đổi theo quy luật tự nhiên – thời khắc giao mùa: “bây giờ mùa xuân/ vườn cây đã thay đổi áo” [8; tr.6], “ôi mùa hè ủa lá” [8; tr.21], “nghe gỗ hương nói thì thầm/ những hạt cơm đen của mùa đông” [8; tr.7], “mùa thu sương mù như dĩ vãng/ kẻ hành khất hỏi hương với bầy chim én” [8; tr.42] nhưng chủ thể không thực chất hiện hữu theo diễn trình tự nhiên. Chủ thể đã tồn tại trong mọi khoảnh khắc, trong tất thấy sự chảy trôi của kiếp người nhưng nó vô định và không thể minh định rõ ràng, cụ thể. Trong trường đoạn cuối cùng của chốn lưu đầy, “thời gian ngủ trong vùng cô liêu khi cơn say ngã xuống” [8; tr.22], “thời gian đóng băng trong tĩnh mạch” [8; tr.35], kích thước thời gian

được khép hạn lại nhưng kết cấu thời gian không hoàn tất. Vì chủ thể vẫn tiến đến, dần thân và nhập cuộc vào chốn lưu đầy hiện sinh khác, tiếp diễn hành trình đó trong tâm tưởng. Sự giãn nở, dồn nén của kích thước thời gian trong trường ca *Ngụ ngôn của người đang trí* phá vỡ tính vật lý, khách quan của thời gian tự nhiên. Sự mở rộng, hạn định của thời gian đã kiến tạo đời sống hiện sinh ở những không - thời gian khác, không chỉ đơn thuần tồn tại và dần thân mà còn là vòng lặp của sự hiện hữu, hủy diệt, sáng tạo, tự do và lưu đầy.

Kết cấu với quan hệ không - thời gian trong trường ca *Ngụ ngôn của người đang trí* được tạo lập mang tính chất phi logic. Những đứt đoạn, phân mảnh vỡ vụn, bất định và khép kín trong chiều kích không gian và thời gian thể nghiệm hành trình hiện sinh bất tất của các chủ thể tính. Con người tồn tại trong cõi hiện sinh, luôn gắng gượng vươn lên khỏi vòng lặp thời gian phi lý để dự phóng về hiện thực khác mới lạ hơn, thương tổn hơn.

4. KẾT LUẬN

Tính chất hiện sinh trong trường ca *Ngụ ngôn của người đang trí* không chỉ biểu hiện trên phương diện nội dung: qua những phạm trù hiện sinh tự do, cái chết,... mà còn được thể hiện trong chính cấu trúc tổ chức: những không - thời gian lặp lại và không-thời gian phi logic. Chính những kết cấu đặc biệt này đã kiến tạo một thế giới hiện sinh không tuân theo trật tự tuyến tính thông thường mà vận hành theo ý thức của chủ thể. Một thế giới luôn bất toàn, lộn xộn, không quy tắc và một thế giới luôn mang đậm tính lịch sử của hiện-hữu-con-người trong hành trình cảm nghiệm. Hành trình chủ thể trong những kết cấu không- thời gian cũng là một hành trình hiện sinh: một hành trình miên viễn vô tận chống lại sự phi lý và hủy diệt, một hành trình truy tầm hiện hữu đích thực trước tình huống tạo loạn của đời mình và của thời đại.

Sự kết hợp giữa lối viết siêu thực cùng với kết cấu hiện sinh đặc biệt đã biến trường ca *Ngụ ngôn của người đang trí* trở thành một cuộc hành hương vào bản thể để tìm chính ý nghĩa và lựa chọn của mình. Đồng thời đây cũng là một cuộc dần thân của Ngô Kha trong những thể nghiệm sáng tạo. Từ đó, có thể xem trường ca *Ngụ ngôn của người đang trí* như một biểu hiện tiêu biểu của *văn học dần thân* (literature engagement) theo tinh thần của Jean-Paul Sartre [5; tr.8] trên bình diện nghệ thuật và cũng thể hiện tinh thần dần thân vào đời sống - cụ thể ở đây là chính tình hình chính trị xã hội đương thời. Điều này thể hiện rõ trong phương thức trữ tình: một trường ca mang dấu ấn hiện sinh vận hành bằng những hình ảnh siêu thực, đan xen giữa huyền thoại và thể sự, tất cả đều ở trạng thái đang hình thành, đang kiếm tìm, bất quy tắc và hỗn độn như chính bản chất hiện hữu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Albert Camus (2014), *Thần thoại Sisyphus* (Trương Thị Hoàng Yến - Phong Sa dịch), Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Bửu Nam, Phạm Thị Anh Nga (2013), *Ngô Kha - hành trình thơ, hành trình dần thân và ngôi nhà vĩnh cửu*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

- [3] Diêu Lan Phương (2017), *Trường ca Việt Nam hiện đại: Diễn trình và thi pháp*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [4] Franz Kafka (2015), *Vụ án* (Lê Chu Cầu dịch), Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [5] Jean-Paul Sartre (1999), *Văn học là gì?* (Nguyễn Ngọc dịch), Nxb. Hội Nhà Văn, Hà Nội.
- [6] Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2006), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [7] Martin Heidegger (1962), *Being and Time*, Blackwell Publishers Ltd, Oxford.
- [8] Ngô Kha (1969), *Ngụ ngôn của người đăng trí*, Nxb. Sài Gòn, Sài Gòn.
- [9] Nguyễn Thành Thi (2016), *Trường ca hiện đại Việt Nam nhìn từ sự vận động, tương tác thể loại*, Tạp chí Nghiên cứu Văn học, 9, tr.4-15.
- [10] Trương Quốc Bảo, Ngô Thảo Tiên, Nguyễn Thị Ngọc Bích (2025), *Chủ thể hiện sinh trong trường ca Ngụ ngôn của người đăng trí của Ngô Kha*, Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, 61 (5C), tr.251-262.

EXISTENTIAL STRUCTURE IN THE EPIC POETRY *ALLEGORY OF AN ABSENT-MINDED* BY NGO KHA

Ngo Thao Tien, Pham Ngoc Lan, Truong Quoc Bao, Nguyen Thi Ngoc Bich

ABSTRACT

This paper interprets the structural composition of Ngo Kha's epic poem "Allegory of an absent-minded" through the lens of existential philosophy. It identifies two central structural patterns: the cyclical structure and the illogical structure, regarded as distinctive features of existential structuring in the poem. The cyclical structure reflects the recurrence of space-time, both destructive and generative, enabling the subject to create and to engage existentially. The illogical structure conveys a fragmented and discontinuous space, shaping a form dependent on the subject's journey. From this perspective, Ngo Kha appears not only as a poet of political and social engagement but also as a poet of artistic engagement - through unique experiments and poetic innovation.

Keywords: *Existentialism, Allegory of an absent-minded, structure, surreal epic (poetry).*

* Ngày nộp bài: 18/09/2025; Ngày gửi phản biện: 08/10/2025; Ngày duyệt đăng: 20/5/2026